**THOUSAND LIVES**

### CHƯƠNG 5: THEO CHÂN CHÚA Ở JERUSALEM

Ký ức lần này đưa tôi về một vùng đất của cát bụi và mặt trời, một nơi mà đức tin và sự hoài nghi luôn tồn tại song song, mãnh liệt như nhau. Đó là vùng đất Do Thái cổ xưa, vào đúng thời điểm Chúa Giê-su xuất hiện và truyền giảng Phúc Âm.

Tên tôi trong kiếp đó là Simon. Tôi không phải là một học giả, cũng không phải một người quyền thế. Tôi chỉ là một người thợ mộc bình thường ở Jerusalem, có một gia đình, và cuộc sống của tôi xoay quanh việc đục đẽo những thanh gỗ, tiếng búa, tiếng cưa. Gỗ ở Jerusalem không sẵn, chúng tôi thường phải dùng những loại gỗ nhập về từ vùng Galilee hoặc những thanh gỗ tuyết tùng quý giá được đưa đến từ Lebanon. Mùi thơm của những thớ gỗ đó đã gắn liền với tôi suốt cả cuộc đời. Khi đó, tôi đã ngoài bốn mươi lăm tuổi, lớn hơn Giê-su khoảng mười lăm tuổi. Ở tuổi đó, con người ta đã trải qua đủ thăng trầm, và niềm tin của tôi khi đó đặt vào những điều mắt thấy tai nghe, vào những thớ gỗ trong tay mình, vào những đồng tiền kiếm được bằng mồ hôi để nuôi sống vợ con.

Rồi một ngày, bạn bè và những người hàng xóm của tôi bắt đầu xôn xao về một người tên là Giê-su đến từ Nazareth. Họ kể về những lời giảng dạy kỳ lạ của Người, về những phép lạ Người đã làm. Ban đầu, tôi không để tâm lắm. Tôi đã nghe quá nhiều câu chuyện về những người tự xưng là nhà tiên tri, những người đến rồi lại đi như những cơn gió thoảng qua sa mạc. Với một người đàn ông đã sống gần hết nửa đời người, tôi có một sự hoài nghi nhất định với những gì mình chưa tận mắt kiểm chứng.

Nhưng sự tò mò, và cả sự nể nang trước lời rủ rê của một người bạn thân, cuối cùng cũng kéo tôi đến một nơi mà Giê-su đang giảng đạo. Đó là một buổi chiều nắng gắt, đám đông tụ tập trên một sườn đồi, bụi bay mù mịt. Tôi đứng ở phía xa, khoanh tay trước ngực, với tâm thế của một người quan sát.

Người đó không có vẻ gì là một vị vua hay một vị tướng. Trang phục của Người cũng giản dị như bao người dân khác. Nhưng khi Người cất tiếng, cả đám đông bỗng nhiên im phăng phắc. Giọng nói của Người không vang dội, nhưng lại có một sức mạnh kỳ lạ, len lỏi vào tận tâm can của mỗi người.

Người nói về những điều rất lạ, những điều đi ngược lại với tất cả những gì tôi từng biết về mưu sinh và lẽ đời. Người nói rằng những người có tâm hồn khiêm nhường, nghèo khó mới là người có phúc, vì Thiên Quốc là của họ. Người nói rằng hãy yêu thương cả kẻ thù của mình, hãy cầu nguyện cho những kẻ ngược đãi mình.

Những lời đó, ban đầu nghe thật ngược đời, nhưng nó lại chạm vào một nơi nào đó sâu thẳm trong tôi, giải đáp những câu hỏi mà tôi chưa bao giờ biết cách gọi tên. Tôi thấy những người giàu có quanh mình, họ có tất cả nhưng tâm trí lúc nào cũng bất an. Tôi thấy những người quyền lực, họ có thể ra lệnh cho người khác nhưng lại không thể ra lệnh cho chính sự bình yên trong lòng mình. Lời của Giê-su như một dòng nước mát, từ từ gột rửa những lớp bụi trần đã bám chặt trong tâm trí tôi suốt bao năm.

Nhưng điều thực sự khiến tôi quy phục không phải chỉ là lời giảng. Đó là những gì tôi đã tận mắt chứng kiến khi đi theo Người trên con đường rời khỏi thành Jericho.

Có một người ăn xin mà cả vùng đều biết, tên ông ta là Bartimaeus. Ông ta bị mù, ngày ngày chỉ ngồi bên vệ đường, sống bằng lòng thương hại của khách qua lại. Khi đoàn người chúng tôi đi qua, nghe thấy tiếng xôn xao, Bartimaeus hỏi xem có chuyện gì. Khi biết đó là Giê-su người Nazareth, ông ta bắt đầu gào lên, một tiếng gào xé lòng: "Lạy ông Giê-su, Con Vua Đa-vít, xin dủ lòng thương tôi!"

Nhiều người trong đám đông chúng tôi đã quay lại quát mắng, bảo ông ta im đi, đừng làm phiền Thầy. Nhưng họ càng quát, ông ta lại càng la to hơn. Tiếng gào của ông chứa đựng tất cả sự tuyệt vọng của một đời chìm trong bóng tối.

Và rồi, Giê-su đã dừng lại. Người quay lại và nói một câu đơn giản: "Hãy gọi anh ta lại đây."

Người ta gọi Bartimaeus. Ông ta mừng rỡ, vứt cả áo choàng lại, đứng dậy và lần bước đến trước mặt Giê-su. Tôi đứng đó, trong đám đông, nín thở quan sát.

"Anh muốn tôi làm gì cho anh?" Giê-su hỏi, giọng Người thật bình thản.

"Lạy Thầy, xin cho tôi được thấy!" Bartimaeus nức nở.

Giê-su nhìn ông, ánh mắt đầy từ bi. Người nói: "Anh hãy đi, lòng tin của anh đã cứu chữa anh!"

Ngay khoảnh khắc Người dứt lời, một điều không thể tưởng tượng đã xảy ra. Đôi mắt vốn đờ đẫn, vô hồn của Bartimaeus bỗng nhiên long lanh trở lại. Ông chớp mắt, rồi chớp mắt lần nữa, như không thể tin vào những gì đang diễn ra. Rồi ông nhìn lên, nhìn vào Giê-su, nhìn vào đám đông chúng tôi, nhìn lên bầu trời xanh. Lần đầu tiên trong đời, ông ta nhìn thấy ánh sáng.

Tôi sẽ không bao giờ quên được gương mặt ông ta lúc đó. Nó biến đổi từ tuyệt vọng sang kinh ngạc tột độ, rồi vỡ òa trong một niềm hạnh phúc không thể diễn tả bằng lời. Ông ta không gào khóc nữa, mà cười, một nụ cười rạng rỡ, nước mắt cứ thế tuôn trào. Ông ta quỳ xuống, nhưng không phải để van xin, mà là để tạ ơn. Và rồi, ông đứng dậy, không quay về chỗ ăn xin của mình nữa, mà lặng lẽ nhập vào đoàn người, đi theo Giê-su.

Tim tôi lúc đó đập như trống trận. Đó là khoảnh khắc mà mọi sự hoài nghi trong tôi sụp đổ hoàn toàn. Một người thợ mộc như tôi chỉ có thể làm cho một thanh gỗ trở nên hữu dụng. Còn Người, Người có thể mang lại ánh sáng cho một cuộc đời.

Bây giờ, khi đã là một người tu luyện trong thời đại này, tôi hiểu rằng đó không phải là phép thuật theo cách người ta thường nghĩ. Mỗi sinh mệnh đều có số phận và những món nợ nghiệp lực của riêng mình, được các vị Thần ở các tầng khác nhau an bài một cách công bằng. Việc Bartimaeus bị mù cũng không phải là ngẫu nhiên, đó là một phần trong kế hoạch hoàn trả nghiệp chướng của ông ấy.

Khi Chúa Giê-su ra tay chữa lành, Ngài không phải là đang phá vỡ an bài của các vị Thần khác. Ngài biết rằng mình không thể đơn phương xóa đi món nợ đó. Thay vào đó, Ngài đã làm một việc vĩ đại và bi tráng hơn rất nhiều: Ngài đã chọn cách gánh lấy món nợ nghiệp lực đó về mình.

Mỗi một người được chữa lành, mỗi một linh hồn được cứu rỗi, nghiệp lực của họ đều được chuyển sang cho Ngài. Giống như một người cha nhân từ, thấy con mình nợ nần chồng chất, đã đứng ra nói với các chủ nợ rằng: 'Mọi món nợ của nó, hãy để tôi gánh hết.'

Và cái giá phải trả cho việc gánh chịu một khối nghiệp lực khổng lồ như vậy chính là cuộc Khổ nạn sau này. Sự đau đớn tột cùng mà Ngài phải chịu đựng trên cây Thập tự, từ thể xác đến tinh thần, chính là lúc Ngài dùng chính sinh mệnh và sự chịu đựng của mình để thanh toán toàn bộ những món nợ mà Ngài đã gánh thay cho các tín đồ. Những phép lạ chữa bệnh mà tôi (Simon) được chứng kiến chỉ là sự 'ứng trước' lòng từ bi của Ngài. Còn cái chết trên cây Thập tự mới là lúc Ngài trả giá cho lòng từ bi ấy.

Đó là con đường cứu độ mà Ngài đã chọn, một con đường của sự hy sinh tột cùng.

Từ ngày đó, tôi không còn là Simon, người thợ mộc chỉ tin vào những gì mình sờ thấy được nữa. Tôi đã trở thành Simon, một người đệ tử bình thường trong đám đông, lặng lẽ đi theo ánh sáng của Người, lắng nghe từng lời giảng, và khắc ghi vào tim sự từ bi và uy nghiêm mà tôi đã được chứng kiến. Tôi không phải là một trong mười hai tông đồ cốt cán, tôi chỉ là một giọt nước nhỏ trong đại dương của những người tin theo. Nhưng giọt nước đó đã được chứng kiến sự vĩ đại của biển cả, và sẽ không bao giờ còn có thể quay trở lại làm một giọt nước tù đọng như xưa.

Cuộc sống của tôi từ đó đã thay đổi hoàn toàn. Xưởng mộc vẫn còn đó, tiếng búa tiếng cưa vẫn vang lên mỗi ngày, nhưng tâm trí tôi không còn chỉ quẩn quanh với những thớ gỗ và những đơn hàng nữa. Mỗi khi có cơ hội, tôi lại tìm đến những nơi Giê-su giảng đạo, lặng lẽ đứng trong đám đông, lắng nghe và chiêm nghiệm.

Dần dần, một cộng đồng nhỏ bé nhưng đầy gắn kết được hình thành xung quanh Người. Chúng tôi, những người tin theo, đến từ đủ mọi tầng lớp: có những người đánh cá chất phác từ vùng Galilee, có người thu thuế bị xã hội khinh rẻ, có những người phụ nữ hiền đức, và cũng có những người thợ thủ công bình thường như tôi. Chúng tôi không có nhà thờ hay đền đài nguy nga. "Nhà thờ" của chúng tôi là bất cứ nơi nào Thầy dừng chân giảng dạy: trên một sườn đồi, bên bờ biển hồ, hay trong sân nhà của một người nào đó có lòng mộ đạo.

Chúng tôi học cách yêu thương và chia sẻ với nhau. Người có nhiều thì giúp người có ít. Khi ai đó trong chúng tôi gặp khó khăn, những người còn lại sẽ cùng nhau cầu nguyện và giúp đỡ. Có một sự ấm áp, một tình huynh đệ chân thành mà tôi chưa từng cảm nhận được ở bất cứ đâu trước đây. Chúng tôi cùng nhau sống, cùng nhau hy vọng, và cùng nhau tin vào một Thiên Quốc mà Thầy đã hứa.

Nhưng con đường đi theo ánh sáng không bao giờ là một con đường bằng phẳng.

Chúng tôi nhanh chóng phải đối mặt với sự chống đối. Những thầy tư tế và các luật sĩ trong các hội đường lớn bắt đầu xem Giê-su như một mối đe dọa. Lời giảng của Người về sự khiêm nhường trong tâm hồn, về việc Thần không chỉ ở trong những đền đài bằng đá mà ở ngay trong tâm của mỗi người, đã thách thức trực tiếp quyền uy và địa vị của họ. Họ cho rằng Người là kẻ lộng ngôn, phạm thượng, dám tự xưng là Con của Thiên Chúa.

Chúng tôi, những người đi theo Người, cũng bị vạ lây. Hàng xóm láng giềng từng thân thiết bắt đầu nhìn chúng tôi bằng ánh mắt khác. Họ xì xào, bàn tán, cho rằng chúng tôi đã bị mê hoặc, đi theo một tà đạo. Có người không còn muốn mua đồ gỗ của tôi nữa. Có người từ mặt những người bạn đã cùng lớn lên. Chúng tôi bị chế nhạo, bị tẩy chay, và đôi khi còn bị đe dọa.

Chính quyền La Mã, dù không quan tâm đến những tranh cãi tôn giáo của người Do Thái, cũng bắt đầu để mắt đến chúng tôi. Họ lo sợ đám đông đi theo Giê-su có thể biến thành một cuộc nổi dậy chính trị. Mọi hoạt động của chúng tôi đều bị giám sát.

Bây giờ tôi hiểu, tất cả những khó khăn đó không phải là ngẫu nhiên. Đó là sự khảo nghiệm mà Thiên Thượng dành cho những ai muốn đi trên con đường tu luyện. Khi một Chính Pháp được truyền ra, ma quỷ cũng sẽ đến để can nhiễu, để khảo nghiệm xem đức tin của con người có thực sự kiên định hay không. Những thử thách đó giống như một cái sàng, để sàng lọc ra những hạt giống đức tin tốt nhất, những người thực sự có thể kiên trì đến cùng.

Và rồi, cuộc khảo nghiệm lớn nhất, đau đớn nhất đã đến.

Tôi vẫn nhớ như in cái tuần lễ định mệnh đó ở Jerusalem. Không khí căng thẳng bao trùm khắp thành phố. Tôi nghe tin Thầy bị một trong những đệ tử thân tín nhất của mình, Judas, phản bội. Rồi tin Người bị bắt trong đêm ở vườn Gethsemane. Tim tôi như thắt lại.

Ngày hôm sau, tôi đã đứng trong đám đông, bất lực nhìn họ giải Người đi qua các con phố. Người mà tôi đã thấy chữa lành cho người mù, hóa bánh cho hàng ngàn người ăn no, giờ đây lại bị họ đội cho một cái mão gai, bị đánh đập, bị sỉ nhục. Tôi thấy những người mà chỉ vài ngày trước còn tung hô Người, giờ lại gào lên đòi đóng đinh Người vào thập tự giá.

Và tôi đã ở đó, trên ngọn đồi Golgotha, từ một khoảng cách xa, chứng kiến tất cả.

Tôi thấy họ đóng những chiếc đinh sắt thô kệch xuyên qua tay và chân Người. Tôi thấy họ dựng cây Thập tự lên. Tôi thấy Người treo lơ lửng giữa trời và đất, máu và mồ hôi chảy dài trên thân thể. Nỗi đau đớn và xót xa trong tôi lúc đó không thể nào tả xiết. Đức tin của tôi bị thử thách đến tận cùng. Tại sao, tại sao một vị Thần đầy quyền năng lại phải chịu một kết cục bi thảm và nhục nhã đến như vậy? Trong một khoảnh khắc, sự hoài nghi đã quay trở lại, gặm nhấm tâm can tôi.

Nhưng rồi, tôi nghe được lời cuối cùng của Người trước khi trút hơi thở: "Lạy Cha, con xin phó thác linh hồn con trong tay Cha."

Trong câu nói đó, không có một chút oán hận, chỉ có sự chấp nhận và thanh thản tuyệt đối. Và khoảnh khắc đó, tôi chợt hiểu ra. Đây không phải là sự thất bại. Đây là sự hoàn tất. Đây chính là sự hy sinh tột cùng mà tôi đã được nghe giảng, nhưng chưa bao giờ thực sự hiểu hết. Ngài đang hoàn thành sứ mệnh của mình.

Sau khi Thầy qua đời, nỗi sợ hãi bao trùm lấy cộng đồng nhỏ bé của chúng tôi. Chúng tôi không dám tụ tập công khai nữa, chỉ lén lút gặp nhau trong những căn nhà kín cổng cao tường, thì thầm cầu nguyện và an ủi lẫn nhau.

Rồi một tin tức lan truyền trong chúng tôi, như một tia sét giữa đêm đen: Thầy đã sống lại! Mary Magdalene và một vài người phụ nữ khác đã ra thăm mộ và thấy ngôi mộ trống không. Rồi các tông đồ cũng đã gặp lại Người.

Ban đầu, tôi không dám tin. Tôi sợ đó chỉ là một câu chuyện bịa ra để an ủi những tâm hồn tan nát. Nhưng rồi, niềm tin ấy ngày một lớn dần, lan truyền từ người này sang người khác, không phải bằng bằng chứng, mà bằng một sức mạnh nội tâm kỳ lạ. Một niềm vui và một sức mạnh chưa từng có trào dâng trong lòng mỗi chúng tôi. Chúng tôi hiểu rằng, Thầy đã chiến thắng cả sự chết.

Chính niềm tin vào sự Phục Sinh đó đã biến đổi chúng tôi. Nỗi sợ hãi được thay thế bằng lòng can đảm. Chúng tôi bắt đầu nhóm họp trở lại, mạnh dạn hơn, để cùng nhau chia sẻ về những gì đã xảy ra.

Và đó là lúc lưỡi hái của sự đàn áp thực sự giáng xuống.

Một buổi tối, khi tôi và khoảng hơn mười người khác đang nhóm họp trong nhà của một người bạn, lính La Mã đã ập vào. Họ bắt tất cả chúng tôi. Không cần hỏi nhiều, không cần xét xử dài dòng. Chúng tôi bị buộc tội đi theo "tà đạo" của Giê-su và gây rối trật tự công cộng.

Khi họ còng tay tôi, tôi không còn cảm thấy sợ hãi nữa. Lòng tôi thanh thản một cách lạ thường. Hình ảnh Thầy bị đóng đinh và cả tin tức về sự Phục Sinh của Người cứ hiện lên trong tâm trí tôi. Tôi biết mình đã chọn đúng con đường.

Tôi bị tống vào một nhà ngục tối tăm, ẩm thấp cùng với những người anh em của mình. Không khí đặc quánh mùi hôi hám và tuyệt vọng. Nhưng lạ thay, không ai trong chúng tôi than khóc hay oán trách. Chúng tôi ngồi bên nhau, im lặng, thỉnh thoảng lại khe khẽ đọc lại những lời dạy của Thầy mà chúng tôi còn nhớ. Trong bóng tối của ngục tù, một sự bình yên kỳ lạ bao bọc lấy chúng tôi.

Họ không tra tấn hay dụ dỗ chúng tôi. Việc bắt bớ này dường như chỉ là một hành động dằn mặt, để dập tắt phong trào của chúng tôi ngay từ trong trứng nước. Họ muốn một sự trừng phạt nhanh chóng và dứt khoát.

Ngày hôm sau, một viên cai ngục đến mở cửa phòng giam của tôi. Hắn không nói gì, chỉ ra hiệu cho tôi đi theo. Tôi biết giờ của mình đã đến. Tôi nhìn những người anh em của mình lần cuối. Họ nhìn tôi, trong ánh mắt không có sự thương hại, chỉ có sự cảm thông và một lời động viên thầm lặng. Tôi gật đầu với họ, rồi vững bước đi theo tên lính.

Hắn dẫn tôi đến một khoảng sân nhỏ phía sau nhà ngục. Ở đó chỉ có hắn và một tên đao phủ mặt lạnh như tiền, tay cầm một thanh gươm to bản. Tôi hiểu mình sẽ bị xử chém.

Tên cai ngục hỏi tôi một câu cuối cùng: "Ngươi có từ bỏ đức tin vào Giê-su người Nazareth không? Nếu có, ngươi sẽ được tự do."

Tôi nhìn thẳng vào mắt hắn. Hình ảnh Thầy trên cây Thập tự, gương mặt của Bartimaeus lần đầu nhìn thấy ánh sáng, những miếng bánh được hóa ra cho hàng ngàn người... tất cả lướt qua tâm trí tôi như một thước phim. Tôi đã thấy, đã tin, và đã cảm nhận được sự thật. Làm sao tôi có thể từ bỏ được?

Tôi lắc đầu, và một nụ cười nhẹ nhàng nở trên môi tôi.

Nụ cười đó không phải là sự thách thức hay khinh miệt. Đó là sự thanh thản. Đó là sự chấp nhận. Đó là niềm vui của một người biết mình sắp được trở về nhà, được gặp lại Thầy của mình ở một nơi không còn đau khổ hay nước mắt. Đó là sự viên mãn của một người đệ tử bình thường, người đã giữ trọn vẹn được đức tin cho đến giây phút cuối cùng.

Tên cai ngục thấy nụ cười của tôi, hắn khẽ cau mày, có vẻ khó hiểu. Hắn phất tay cho tên đao phủ.

Cảm giác cuối cùng của tôi trong kiếp sống đó là một vệt sáng lạnh lẽo lóe lên trước mắt, và một cơn đau nhói ở cổ.

Rồi tất cả chìm vào bóng tối.

Nhưng đó không phải là bóng tối của sự kết thúc. Ngay sau đó, linh hồn tôi thoát ra, nhẹ bẫng. Tôi thấy thân xác mình ngã xuống, và tôi thấy một con đường ánh sáng rực rỡ mở ra trước mắt. Tôi biết mình đã chọn đúng.

Kiếp sống làm Simon, người thợ mộc ở Jerusalem, đã dạy cho tôi một bài học vô giá về đức tin. Đức tin không phải là thứ chỉ dành cho những bậc thánh nhân hay những người phi thường. Nó có thể nảy mầm trong trái tim của một người bình thường nhất, và khi đã bén rễ, nó có thể trao cho người đó sức mạnh để đối mặt với cả cái chết bằng một nụ cười.

Và tôi cũng hiểu rằng, con đường tu luyện nào cũng vậy, luôn đi kèm với những thử thách và sự khảo nghiệm. Sự lựa chọn giữa việc sống trong giả dối và việc chết cho Chân lý là một bài kiểm tra mà rất nhiều người tu luyện trong các thời kỳ lịch sử đã phải đối mặt. Sự lựa chọn đó, cuối cùng, sẽ quyết định nơi mà linh hồn của họ sẽ đi về.